

Bản án số: 117/2019/HS-ST
Ngày 10-10-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Công Tồn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lương Văn Kiên

Ông Bùi Hữu Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quang Ân - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thắng Trinh - Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án Nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 129/2019/TLST-HS ngày 28 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 166/2019/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 9 năm 2019, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Tấn D**, tên gọi khác: Không; sinh ngày 14 tháng 3 năm 1990 tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi cư trú: 46/15/3 đường X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: Số 29 đường Lê Duẩn, phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn R, sinh năm 1960 (Đã chết) và bà Lê Tấn H, sinh năm 1961; chưa có vợ, con; Tiền án 02 lần:

- Ngày 28-9-2009, bị Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù giam, về tội: “*Cướp giật tài sản*” (theo quy định tại Khoản 1 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009) theo Bản án số 417/2009/HSST; chấp hành án tại Trại giam Xuân Lộc, Bộ Công an. Ngày 18-5-2011, chấp hành xong hình phạt tù;

- Ngày 19-9-2014, bị Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm tù giam, về tội: “*Cướp tài sản*” (theo quy định tại Khoản 1 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009) theo Bản án số

115/2014/HSST; chấp hành án tại Trại giam Huy Khiêm, Bộ Công an. Ngày 29-8-2017, chấp hành xong hình phạt tù;

Tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 19-5-2019 đến ngày 28-5-2019, bị áp dụng biện pháp tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. *Có mặt.*

- *Bị hại:* Chị Hồ Ngọc Thanh T, sinh năm 1992; địa chỉ: Số 11/3 đường út Tịch, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. *Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt;*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Anh Hoàng Trung H, sinh năm 1986; địa chỉ: Số 114/4/1 đường Phan Đình Phùng, tổ 10, phường S, thành phố P, tỉnh Gia Lai. *Có mặt;*

- *Người làm chứng:*

1. Anh Nguyễn Hữu N, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ 10, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai. *Có mặt;*

2. Anh Nguyễn Huy T1, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn 05, xã A, thành phố P, tỉnh Gia Lai. *Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt;*

3. Anh Võ Quốc S, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ 06, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai. *Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.*

4. Anh Trần Hữu Phúc, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn 03, xã Đông, huyện KBang, tỉnh Gia Lai. *Có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 30 phút, ngày 19-5-2019, Lê Tấn D điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha biển số 81K4 -0207 lưu thông trên đường Lê Duẩn, hướng đi đường Hùng Vương, thành phố P. Khi dừng xe chờ đèn đỏ tại ngã tư đường Lê Duẩn - Hùng Vương - Phù Đồng - Trường Chinh, Dũng phát hiện trong hộp đựng đồ phía dưới tay lái, bên trái xe mô tô 81B2-397.96 có 01 chiếc điện thoại di động, loại màn hình cảm ứng, do chị Hồ Ngọc Thanh T điều khiển đi cùng chiều với D. D nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại trên, nên điều khiển xe mô tô 81K4 -0207 đi theo xe chị T vào đường Hùng Vương. Đến ngã tư đường Hùng Vương - Bà Triệu - Nguyễn Viết Xuân, do có tín hiệu đèn đỏ nên chị T dừng xe; tại đây D cũng dừng xe phía bên trái xe chị T. Khi có tín hiệu đèn xanh, chị T bắt đầu điều khiển xe rẽ vào đường Nguyễn Viết Xuân, lúc này khoảng 16 giờ 45 phút ngày 19-5-2019 thì D nhanh chóng dùng tay lấy chiếc điện thoại di động nêu trên của chị T, rồi tăng ga tẩu thoát thẳng hướng đường Hùng Vương, chị T truy hô cướp và đuổi theo. D điều khiển xe rẽ vào đường Lê Lợi, sau đó vào đường Phan Đình Giót, thì xe mô tô 81K4 -0207 bị đứt xích. D bỏ lại xe mô tô 81K4 -0207 và điện thoại di động vừa chiếm đoạt được của chị T ở trên mặt đường rồi bỏ chạy bộ, nhưng bị chị T và lực lượng Công an 113 đang làm nhiệm vụ tuần tra bắt giữ. Ngay sau đó, D bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Pleiku lập biên bản bắt người phạm tội quá

tang và thu giữ: 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus, loại 32GB màu hồng và xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đỏ, biển số 81K4-0207.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 77/KL-HĐĐG, ngày 21-5-2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Pleiku, kết luận: *“01 (Một) chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus, 32GB màu hồng, đã qua sử dụng, bị chiếm đoạt ngày 19-5-2019, hiện đã thu hồi được; có trị giá còn lại theo giá thị trường là: 11.000.000 đồng.”*

Sau khi định giá, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Pleiku đã xử lý trả lại chiếc điện thoại di động trên cho chị T.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, màu đỏ, biển số 81K4-0207, là phương tiện Lê Tấn D sử dụng khi cướp giật điện thoại di động của chị Hồ Ngọc Thanh T, qua điều tra xác định: Xe mô tô trên là tài sản của anh Hoàng Trung H1 cho D mượn để đi mua thức ăn ngày 19-5-2019; việc D sử dụng xe trên làm phương tiện đi cướp giật tài sản, thì anh H1 không biết. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Pleiku đã xử lý trả lại xe mô tô 81K4-0207 cho anh H1.

Về dân sự: Sau khi được nhận lại điện thoại di động bị chiếm đoạt, chị Hồ Ngọc Thanh T không yêu cầu gì về bồi thường dân sự; anh Hoàng Trung H1 cũng không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự.

Tại phiên tòa bị cáo Lê Tấn D đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại phiên tòa, người làm chứng là anh Nguyễn Hữu N xác định bị cáo Lê Tấn D có hành vi phạm tội phù hợp lời khai của bị cáo đã khai nhận.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo; người bị hại và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản số 77/KL-HĐĐG, ngày 21-5-2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Pleiku.

Tại Bản cáo trạng số 133/CT-VKS ngày 27-8-2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo Lê Tấn Dũng về tội: *“Cướp giật tài sản”* theo khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố về hành vi của bị cáo Lê Tấn D; đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Lê Tấn D phạm tội: *“Cướp giật tài sản”*

1. Về hình phạt:

a. Hình phạt chính: Áp dụng điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Lê Tấn D mức án từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù.

b. Hình phạt bổ sung: Qua xác minh, bị cáo D không có tài sản gì nên đề xuất không áp dụng hình phạt bổ sung

2. Về xử lý vật chứng: Không

3. Về án phí, lệ phí Tòa án: Căn cứ Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử buộc bị cáo Lê Tấn D phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo không có ý kiến kiến tranh luận đối với luận tội, Quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa và trong quá trình điều tra phù hợp với lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; người làm chứng; Biên bản bắt người phạm tội quả tang và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Khoảng 16 giờ 45 phút ngày 19-5-2019, tại ngã tư đường Hùng Vương - Bà Triệu - Nguyễn Viết Xuân, phường Hội Phú, thành phố P, tỉnh Gia Lai, lợi dụng sơ hở của chị Hồ Ngọc Thanh T, Lê Tấn D điều khiển xe mô tô 81K4-0207 ép sát bên trái, nhanh chóng giật chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus, loại 32GB để trong hộc đồ bên trái phía dưới tay lái của xe mô tô 81B2-397.96 chị T đang điều khiển một cách công khai rồi tẩu thoát. Theo kết luận định giá, chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus, loại 32GB của chị T bị D chiếm đoạt có trị giá 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng). Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 171 thuộc trường hợp dùng thủ đoạn nguy hiểm được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[2] Tại Bản án số 115/2014/HSST, ngày 19-9-2014 của Tòa án nhân dân Quận 4, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt bị cáo Lê Tấn D 04 năm tù giam, về tội: “*Cướp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 133, với tình tiết tăng nặng “tái phạm” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009. Ngày 29/8/2017 chấp hành xong hình phạt tù, ngày 19-5-2019 bị cáo D thực hiện hành vi cướp giật tài sản, nên bị cáo không thuộc trường hợp đương nhiên được xóa án tích theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 70 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Bị cáo đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 53 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, nên bị cáo phải chịu tình tiết định khung tăng nặng theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku truy tố bị cáo về tội cướp giật tài sản theo điểm d, i khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi lợi dụng sơ hở của người quản lý tài sản và dùng xe mô tô làm phương tiện để chiếm đoạt tài sản của người đang điều khiển xe mô tô rồi nhanh chóng tẩu thoát một cách công khai là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản, xâm phạm trật tự trị an xã hội, thể hiện sự xem thường tính mạng, sức khỏe của người khác. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì để có tiền tiêu xài cho cá nhân, bị cáo vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn để răn đe, giáo dục bị cáo.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng*”, do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung. Do đó Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng: Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, màu đỏ, biển số 81K4-0207, qua điều tra xác định là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của anh Hoàng Trung H1, anh H1 cho D mượn xe để đi mua thức ăn và không biết việc D sử dụng xe trên làm phương tiện đi cướp giật tài sản nên đã được trả cho anh H1, Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo chiếm đoạt là chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus, loại 32GB đã được thu hồi trả cho chị Hồ Ngọc Thanh T, bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[10] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Pleiku, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Tấn D phạm tội “*Cướp giật tài sản*”.

Áp dụng các điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; các Điều 38; Điều 50 và Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Lê Tấn D 05 (Năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (Ngày 19-5-2019)

2. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Tấn D phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền kháng cáo vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Tp. Pleiku;
- Công an Tp. Pleiku;
- Chi cục THADS Tp. Pleiku;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Phan Công Tồn